
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.30	0.02	0.15	0.01	3Y	0.65	0.000
1W	0.39	0.01	0.19	0.01	5Y	1.10	-0.009
2W	0.49	0.01	0.24	0.01	7Y	1.54	0.006
1M	0.69	0.06	0.33	0.00	10Y	2.40	0.002
2M	1.00	0.00	0.43	0.00	15Y	2.61	0.000
3M	1.25	0.03	0.54	-0.06			
6M	1.79	-0.06	0.88	-0.04			
9M	2.49	-0.07	1.28	0.11			
1Y	3.01	-0.13	1.37	0.15			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
31-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
30-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
29-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

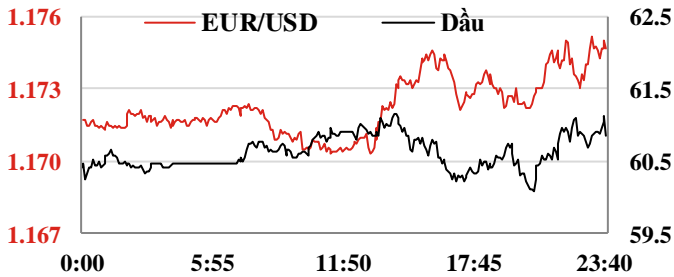
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	31-Mar-21	5	1000	950	1.10%	0.02%
MOF	31-Mar-21	10	2000	1500	2.30%	0.03%
MOF	31-Mar-21	15	2000	1000	2.50%	0.02%
MOF	31-Mar-21	30	500	103	3.05%	0.00%
Tổng			5500	3553		

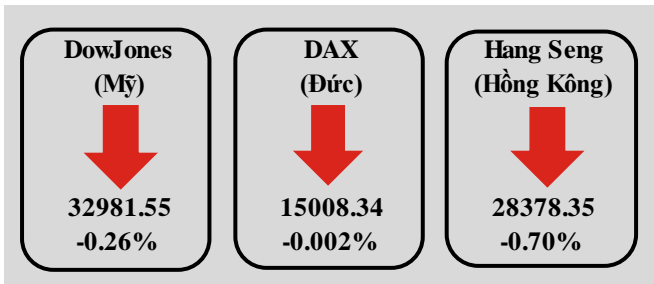
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1191.44	286.67	81.41
%/ngày	0.43%	1.97%	0.97%
%/31/12/2020	7.93%	41.1%	9.3%
KLGD (tr.đ.vị)	703.08	210.73	87.5
GTGD (tỷ đ)	14609.06	3407.87	1324.58
NĐINN mua (tỷ đ)	1091.73	12.46	0.65
NĐINN bán (tỷ đ)	1303.25	36.01	0.54

Tin trong nước ngày 31/03

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 31/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.244 VND/USD, tiếp tục tăng 07 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.891 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.079 VND/USD, tăng 04 đồng so với phiên 30/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 80 đồng ở chiều mua vào và 100 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.900 - 23.950 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 31/03, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 – 0,06 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống, chốt phiên ở: ON 0,30%; 1W 0,39%; 2W 0,49% và 1M 0,69%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn 3Y, 15Y trong khi giảm ở kỳ hạn 5Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,65%; 5Y 1,10%; 7Y 1,54%; 10Y 2,40%; 15Y 2,61%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 31/03, KBNN huy động thành công 3.553/5.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 65%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm huy động được 950/1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động được 1.000/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động được 103/500 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn các kỳ hạn lần lượt tại 1,10%/năm (+0,02%), 2,30%/năm (+0,03%); 2,50%/năm (+0,02%) và 3,05%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, sắc xanh chiếm ưu thế ở nhóm cổ phiếu lớn, giúp kéo các chỉ số lên trên mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 5,08 điểm (+0,43%) lên 1.191,44 điểm; HNX-Index tăng 5,52 điểm (+1,97%) lên 286,67 điểm; UPCoM-Index tăng 0,79 điểm (+0,97%) lên 81,41 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn ở mức cao với tổng giá trị giao dịch trên 19.300 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 235 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê,** tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/03/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của NĐTNN đạt gần 10,13 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 234 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7,2 tỷ USD, giảm 69,1% về số dự án và tăng 30,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 161 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2,1 tỷ USD, tăng 97,4%; có 734 lượt góp vốn mua cổ phần của NĐTNN với tổng giá trị góp vốn gần 805,3 triệu USD, giảm 58,8%. Vốn FDI thực hiện quý I/2021 ước tính đạt 4,1 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước.



	31 Mar 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	93.23	-0.07%	0.76%	3.66%
USD/CNY	6.55	-0.30%	0.44%	0.41%
USD/EUR	0.85	-0.12%	0.72%	4.14%
USD/JPY	110.70	0.33%	1.82%	7.23%
USD/KRW	1127.17	-0.48%	-0.68%	3.94%
USD/SGD	1.34	-0.24%	-0.10%	1.79%
USD/TWD	28.44	-0.20%	-0.16%	1.31%
USD/THB	31.24	-0.19%	0.81%	3.99%
USD/VND Trung tâm	23244	0.03%	0.16%	0.49%
USD/VND LNH	23079	0.02%	-0.01%	-0.04%
USD/VND tự do	23900	-0.33%	-0.29%	2.58%
Vàng	1707.01	1.32%	-1.57%	-9.99%
Dầu	59.16	-2.30%	-3.30%	21.93%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0806	0.0036		
SW	0.0875	0.0013		
1M	0.1111	-0.0040	0.2813	0.0000
2M	0.1336	0.0021		
3M	0.1943	-0.0074	0.4375	0.0000
6M	0.2053	-0.0015	0.5932	0.0000
1Y	0.2831	-0.0035	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 30/03/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	28/04/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	22/04/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	06/04/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Tổng thống Mỹ Joe Biden khởi động kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng.** Bên cạnh đó, nước này đón các thông tin kinh tế trái chiều. Reuters cho biết Tổng thống Joe Biden bắt đầu kêu gọi một sự thay đổi mạnh mẽ và lâu dài hơn đối với sự phát triển của kinh tế Mỹ, cụ thể sẽ là một gói trị giá 2.000 tỷ USD để đầu tư vào các dự án truyền thống như cầu đường, thúc đẩy dịch vụ và bảo vệ môi trường. Phần hai của kế hoạch sẽ là thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, nâng tổng mức đầu tư lên khoảng 4.000 tỷ USD. Về chỉ báo kinh tế tích cực, ADP cho biết nước Mỹ tạo ra thêm 517 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới trong tháng 3, cao hơn nhiều so với mức 176 nghìn của tháng trước đó và thấp hơn một chút so với kỳ vọng ở mức 552 nghìn. Về tin tiêu cực, doanh số nhà chờ bán tại nước Mỹ trong tháng 2 giảm mạnh 10,6% m/m, nối đà giảm 2,4% của tháng trước đó, sâu hơn nhiều so với mức giảm 3,1% theo dự báo.
- CPI tại Eurozone tăng mạnh trong tháng vừa qua, trong khi CPI lõi giảm nhẹ.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu Eurostat cho biết CPI toàn phần của Eurozone tăng 1,3% y/y trong tháng 3, cao hơn mức 0,9% của tháng trước đó và sát với dự báo ở mức 1,4%. Tuy nhiên, CPI lõi của khu vực này trong tháng vừa qua chỉ tăng 0,9% y/y; trái với dự báo tăng bằng mức 1,1% của tháng 2. CPI toàn phần của Eurozone tăng lên nhờ sự đóng góp lớn của các mặt hàng năng lượng, khi chỉ số giá của nhóm mặt hàng này đã tăng tới 4,3% m/m. Tập đoàn Tài chính đa quốc gia ING dự báo lạm phát ở Eurozone sẽ tiếp tục tăng, ít nhất là từ hiện tại cho tới mùa hè này, trong bối cảnh nền kinh tế sẽ sớm được mở cửa trở lại, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng tăng lên.
- Kinh tế nước Anh quý cuối năm 2020 được điều chỉnh tích cực hơn.** Cụ thể, Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh cho biết GDP của nước này chính thức tăng 1,3% q/q trong quý 4, cao hơn mức tăng 1,0% theo thống kê sơ bộ. Cũng liên quan tới kinh tế Anh, cán cân vãng lai của nước này thâm hụt 26,3 tỷ GBP trong quý cuối năm qua, sâu hơn mức thâm hụt 14,3 tỷ của quý trước đó, song không sâu như mức thâm hụt 34,8 tỷ như dự báo. Cuối cùng, giá nhà tại nước này giảm 0,2% m/m trong tháng 3 sau khi tăng 0,7% ở tháng 2, trái với kỳ vọng tiếp tục tăng 0,4%.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

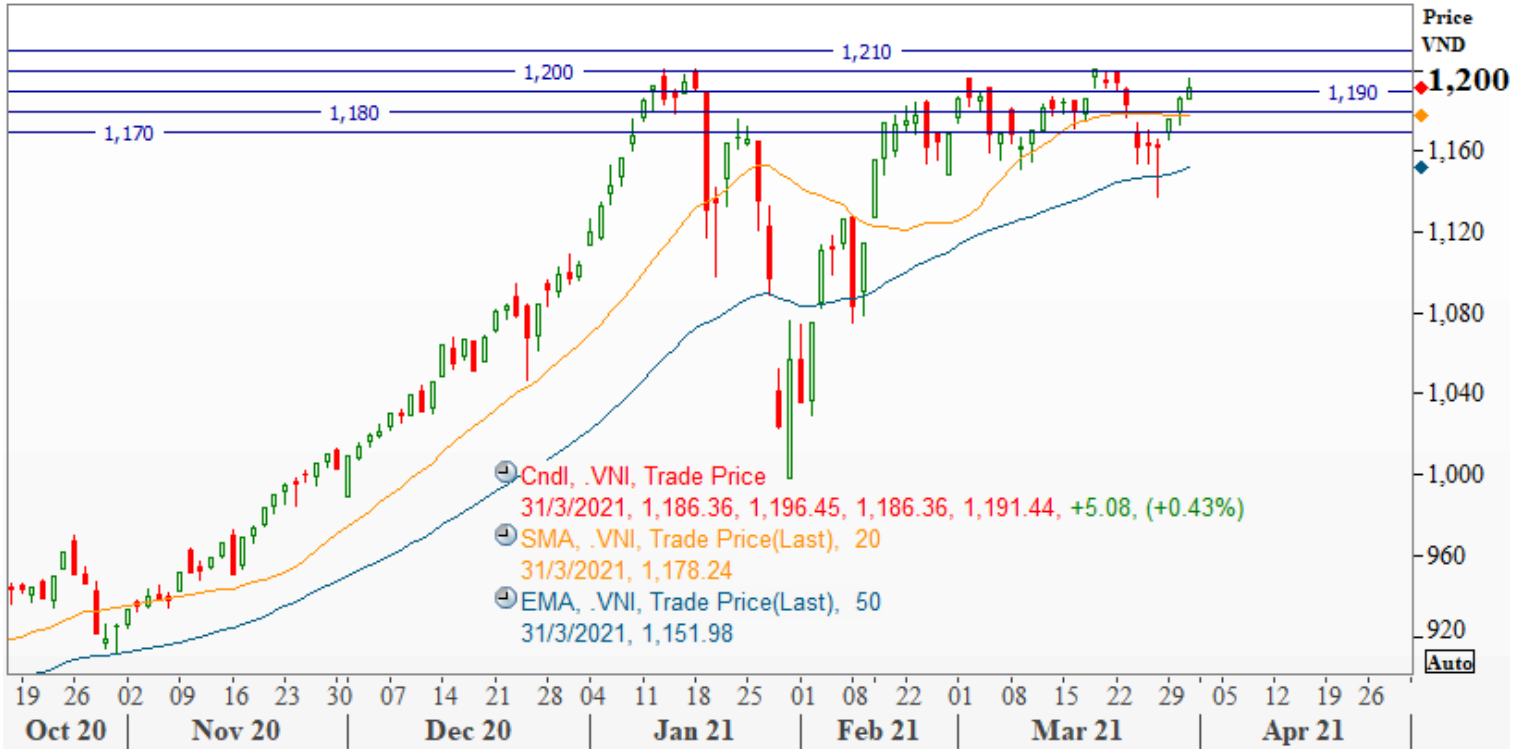
Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
31-03	6:50	*	Sản lượng công nghiệp sơ bộ Nhật Bản mm T2	-2.1	-1.3	4.3
31-03	7:30	**	Số cấp phép xây dựng Úc mm T2	21.6	3.5	-19.4
31-03	8:00	**	PMI lĩnh vực sản xuất Trung Quốc T3	51.9	51.3	50.6
31-03	13:00	**	GDP chính thức của nước Anh mm qq Q4/2020	1.3	1.0	1.0
31-03	16:00	*	CPI sơ bộ Eurozone yy T3	1.3	1.4	0.9
31-03	16:00	*	CPI lõi sơ bộ Eurozone yy T3	0.9	1.1	1.1
31-03	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T3	517K	552K	176K
31-03	21:00	**	Số nhà chờ bán tại Mỹ mm T2	-10.6	-3.1	-2.4
01-04	7:30	**	Doanh số bán lẻ Úc mm T2		-1.1	-1.1
01-04	7:30	*	Cán cân thương mại Úc T2		9.95B	10.14B
01-04	13:00	*	Doanh số bán lẻ Đức mm T2		2.0	-4.5
01-04	15:00	*	PMI chính thức lĩnh vực sản xuất Eurozone T3		62.4	62.4
01-04	15:30	*	PMI chính thức lĩnh vực sản xuất Anh T3		57.9	57.9
01-04	21:00	**	PMI lĩnh vực sản xuất ISM Mỹ T3		61.5	60.8
01-04	21:00	*	Chỉ tiêu cho lĩnh vực xây dựng Mỹ mm T2		-0.9	1.7

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

Daily .VNI

16/10/2020 - 4/5/2021 (HAN)



VN-Index tăng nhẹ lên mức 1.191,41 điểm. Sau khi hình thành cây nến đảo chiều từ vùng cận dưới, chỉ số nhiều khả năng sẽ hướng đến thử thách lại vùng cận trên của kênh giá này tương ứng vùng quanh 1.200 điểm trong ngắn hạn khi vẫn được hỗ trợ bởi các đường SMA ngắn và trung hạn.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.180 – 1.170

Ngưỡng kháng cự: 1.200 – 1.210

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn